**Lý thuyết**

Kiểu dữ liệu INTERVAL cho phép bạn lưu trữ và thao tác một khoảng thời gian tính bằng năm, tháng, ngày, giờ, phút, giây, v.v ... Sau đây minh họa các loại INTERVAL:

@ INTERVAL [ trường ] [ (p) ]

Một INTERVAL có kích thước lưu trữ 16 byte có thể lưu trữ một khoảng thời gian với phạm vi từ -178.000.000 năm đến 178.000.000 năm.

Ngoài ra, một interval có thể có giá trị chính xác với tùy chọn p trong phạm vi cho phép là từ 0 đến 6. Độ chính xác p là số chữ số phân số được giữ lại trong các trường thứ hai.

Dấu tại (@) là tùy chọn do đó bạn có thể bỏ qua nó.

Các ví dụ sau đây cho thấy một số giá trị khoảng:

INTERVAL '2 months ago';  
INTERVAL '3 hours 20 minutes';

Trong nội bộ, PostgreSQL lưu trữ các giá trị khoảng thời gian là tháng, ngày và giây. Giá trị tháng và ngày là số nguyên trong khi trường giây có thể có phân số.

Các INTERVAL rất hữu ích khi thực hiện tính toán về ngày hay là thời gian. Ví dụ: nếu bạn muốn biết thời gian của 3 giờ 2 phút trước tại thời điểm hiện tại của năm ngoái, bạn có thể sử dụng câu lệnh sau:

SELECT  
   NOW(),  
   NOW() - INTERVAL '1 year 3 hours 20 minutes' AS "3 hours 20 minutes ago of last year";

Kết quả đầu ra là

| **now** | **3 hours 20 minutes ago of last year** |
| --- | --- |
| 2017-02-20 20:01:54.0404-08 | 2016-02-20 16:41:54.0404-08 |

***Toán tử interval***

Bạn có thể áp dụng toán tử số học ( +, -, \*, etc.,) cho các giá trị interval, ví dụ:

SELECT INTERVAL '2h 50m' + INTERVAL '10m'; -- 03:00:00  
SELECT INTERVAL '2h 50m' - INTERVAL '50m'; -- 02:00:00  
SELECT 600 \* INTERVAL '1 minute'; -- 10:00:00